

PHỤ LỤC II

MẪU - BẢN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Request for quality inspection of imported electric bicycle)

Kính gửi (To): Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện nhập khẩu được ghi trong bản kê chi tiết kèm theo với các nội dung sau (Request for quality technical safety inspection of imported electric bicycles listed on attached annex with the following contents):

Hồ sơ kèm theo (Attached document):

- + Hóa đơn thương mại (Commerce invoice): ☐
- + Tài liệu kỹ thuật (Technical documents): ☐
- + Bản kê chi tiết kèm theo gồm (Attached detail list includes).....trang (page(s)) ☐
- + Các giấy tờ khác (Other related document): ☐

.....
.....

Thời gian và địa điểm kiểm tra dự kiến (Date and anticipated inspection site):.....

.....

Người đại diện (Contact person)

Số điện thoại (Phone No.):

Xác nhận của Cơ quan kiểm tra chất lượng

Đại diện Tổ chức, cá nhân nhập khẩu

Vào sổ đăng ký số:

(Importer)

(Registered N^o)

(Place and date), ngày tháng năm

Đại diện Cơ quan kiểm tra chất lượng

(Inspection Body)

BẢN KÊ CHI TIẾT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Detail list of imported electric bicycle)

(Kèm theo Bản đăng ký kiểm tra số (Attached to Register No.):)

Tình trạng Xe (Vehicle's Status):

☐ Chưa qua sử dụng (New):

☐ Đã qua sử dụng (Used):

Loại xe (Vehicle Type):

Nhãn hiệu/ Số loại (Mark/ Model code):

Cơ sở sản xuất, nước sản xuất (Manufacture, Production country):

TT (No.)	Năm sản xuất (Production year)	Số khung (nếu có) (Frame No. if any)	Số động cơ (nếu có) (Engine No. if any)
-------------	-----------------------------------	---	--

BẢN THÔNG BÁO THAY ĐỔI THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Request for changing date and inspection site)

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu (*Importer*):

Số đăng ký kiểm tra (*Registered N^o*):

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu (*Import custom declaration No.*) ngày (*date*)

Đề nghị kiểm tra ngày (*Date of inspection*):

Địa điểm kiểm tra (*Inspection site*):

Người liên hệ (*Contact person*):

Số điện thoại (*Phone No.*):

Loại Xe (*Vehicle type*):

Nhãn hiệu/ Số loại (*Mark/Model code*):

TT (<i>No.</i>)	Số khung (nếu có) (<i>Fram No. if any</i>)	Số động cơ (nếu có) (<i>Engine No. if any</i>)

Tổng số Xe đăng ký kiểm tra (*Total number of vehicle requested*):

Ghi chú (nếu có) (*Remark (if any)*):

(*Place and date*), ngày tháng năm
Đại diện Tổ chức, cá nhân nhập khẩu

(Importer)

(Chỉ sử dụng khi Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thay đổi thời gian và địa điểm kiểm tra)

(Apply only if Importer changes date and inspection site)